

Số : 06/2014/NQ-HĐQT

Long Xuyên, ngày 21 tháng 11 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 06/2014/BB-HĐQT ngày 21/11/2014.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất nội dung báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2014 theo tài liệu đã gửi cho các thành viên HĐQT/BKS tại kỳ họp HĐQT ngày 21/11/2014;

Điều 2: Thống nhất nội dung kế hoạch hoạt động của HĐQT đến hết tháng 12/2014 như sau:

- Tiếp tục tập trung nguồn lực, triển khai các quyết sách phù hợp với tình hình kinh tế, tình hình thị trường để kịp thời có biện pháp chỉ đạo nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2014.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đặc biệt vấn đề ổn định tốt chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện ổn định vùng nguyên liệu, thị trường để hoàn thành kế hoạch SXKD của năm 2014; xây dựng chiến lược duy trì phát triển vùng nguyên liệu bắp non và đậu nành rau cho những năm tiếp theo.
- Giám sát công tác triển khai thực hiện dự án nhà máy Bình Long.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ theo quy định.

Điều 3: Thống nhất các nội dung và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo tài liệu đã gửi cho các thành viên HĐQT/BKS tại kỳ họp HĐQT ngày 21/11/2014 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu tổng hợp:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	
			Số lượng	Tổng số
I	Sản xuất - Mua vào	Triệu đ		208.172
1	Rau quả - Đông lạnh	Tấn	6.767	165.056
2	Rau quả và sản phẩm đóng hộp	Tấn	1.672	27.187
3	Giống rau quả	Tấn	111	10.453
4	Hàng hóa khác			5.476
II	Bán ra	Triệu đ		259.062
1	Rau quả - Đông lạnh	Tấn	6.797	203.212
2	Rau quả và sản phẩm đóng hộp	Tấn	1.690	34.930

3	Giống rau quả	Tấn	111	14.166
4	Hàng hóa khác			6.754
III	Lãi gộp	Triệu đ		51.821
IV	Chi phí bán hàng, quản lý	Triệu đ		36.087
V	Lãi vay	Triệu đ		924
VI	Lãi trước thuế	Triệu đ		14.810
VII	Kim ngạch nhập khẩu	USD		493.052
VIII	Kim ngạch xuất khẩu	USD		10.670.450
IX	Đơn giá tiền lương/lợi nhuận trước thuế			3,04

2. Nguyên liệu đầu tư và thu mua:

Stt	Loại nguyên liệu	Địa bàn đầu tư thu mua	Năm 2015	
			Diện tích (Ha)	Sản lượng (Tấn)
1	Bắp non	Chợ Mới, Châu Phú	2.564	4.616
2	Đậu nành rau	Châu Phú, Chợ Mới	138	2.000
3	Khóm	Kiên Giang, Tiền Giang		2.555
4	Rau quả khác	An Giang, Đồng Tháp		1.297

3. Giống rau nhập khẩu:

Stt	Loại giống	NĂM 2015	
		Số lượng (Tấn)	Thành tiền (USD)
1	Bắp non	94	423.500
2	Đậu nành	17	69.552
		111	493.052

4. Chế biến:

stt	Mặt hàng	Đvt	NĂM 2015	
			Sản lượng	Trị giá (triệu đ)
	Sản phẩm đông lạnh	Tấn	6.767	165.056
1	Bắp non		3.500	79.713
2	Khóm		500	8.436
3	Đậu nành		2.000	58.000
4	Rau quả khác		767	18.907
	Sản phẩm đóng hộp	Tấn	1.672	27.187
5	Rau, quả đóng hộp		1.647	25.562
6	Loại khác		25	1.625
	Tổng cộng		8.439	192.243

5. Doanh số:

stt	Mặt hàng	Đvt	NĂM 2015	
			Sản lượng	Doanh số (triệu đ)
	Sản phẩm đông lạnh	Tấn	6.797	203.212
1	Bắp non		3.972	106.079
2	Khóm		480	11.194
3	Đậu nành		1.525	58.751
4	Rau quả khác		820	27.188
	Sản phẩm đóng hộp	Tấn	1.691	34.930
5	Rau, quả đóng hộp		1.657	32.070
6	Loại khác		34	2.860
7	Giống rau quả	Tấn	111	14.166
8	Hàng hóa khác			6.754
	Tổng cộng		8.599	259.062



6. Kim ngạch xuất khẩu:

stt	Loại sản phẩm	Kim ngạch XK 2015 (USD)
1	Hàng rau quả đông lạnh	9.186.400
2	Hàng rau quả đóng hộp	1.484.050
	Cộng	10.670.450

7. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015 là 15%/vốn điều lệ.

Điều 4: Thống nhất tỷ lệ chi trả tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền là 10%;

Điều 5: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký, HĐQT và Ban TGD có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết theo đúng quy định.

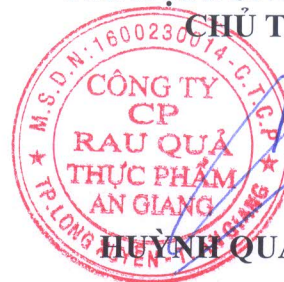
Nơi nhận: *t*

- HĐQT, BKS;

- BTGD;

- Lưu hồ sơ HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



HUYỄN QUANG ĐẤU